

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 04 - 10 - 2018

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Tuấn
2. Ông Thạch Quone

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Sấm Át, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Vào năm 1997 bà và Ông Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lúc đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ năm 2016 bà và ông H không còn chung sống với

nhau cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông H có hai người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N sinh ngày 28 tháng 12 năm 1998 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008. Nay xét thấy quan hệ vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Nguyễn Thị Huỳnh N sinh ngày 28 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn Nguyễn Bảo N sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 hiện đang sống với ông H, bà đồng ý giao cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2018, bị đơn Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và Bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông và bà D có hai người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N sinh ngày 28 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành và Nguyễn Bảo N sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 đang sống chung với ông; ông và bà D không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Huỳnh N sinh ngày 28 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 đang sống chung với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Bảo N: Nếu cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu xin được sống với cha là Nguyễn Văn H.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Nguyễn Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc D và Ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn; nay ông H và bà D cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà D và ông H là vợ chồng. Về con chung, hiện nay cháu Nguyễn Bảo N đang sống chung với ông H, nguyện vọng của cháu Nguyễn Bảo N được sống chung với ông H; bà D và ông H cũng thống nhất giao cháu Nguyễn Bảo N cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng nên đề nghị Hội

đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo N cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và Ông Nguyễn Văn H đều thừa nhận hai người sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà D cương quyết ly hôn; theo ý kiến của ông H tại bản tự khai thì ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà D nên căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà D và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Bảo N đang sống chung với ông H, nguyện vọng của cháu Bảo N được sống chung với ông H; bà D và ông H cũng thống nhất giao cháu Bảo N cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Bảo N cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với người con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N sinh ngày 28 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành, ông H và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và Ông Nguyễn Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và Ông Nguyễn Văn H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận Bà Nguyễn Thị Ngọc D và Ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008 cho Ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện không yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D với Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D với Ông Nguyễn Văn H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016615 ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng